

# **A DI ĐÀ PHÁP**

**( Pháp tu trong Thai Tạng Giới )**

## **THẬP BÁT ĐẠO**

### **1 ) Tịnh Tam Nghiệp :**

Chắp hai tay lại giữa rỗng ( Liên Hoa Hợp chưởng ) đọc Chân Ngôn là :

**OM SVÀBHAVA 'SUDDHA SARVA DHARMA SVÀBHAVA 'SUDDHO HÀM**

Tiếp theo là bước **PHỔ LỄ**. Đứng thẳng trước Bản Tôn, chắp hai tay lại giữa

rỗng, quán tưởng Đức A Di Đà Phật cùng với Bồ Tát, rồi cung kính đỉnh lễ, đọc Chân Ngôn là :

**OM SARVA TATHÀGATA PADA VANDANAM KAROMI**

### **2 ) Phật Bộ Tam Muội Gia :**

Chắp hai tay lại giữa rỗng, mở 2 ngón trở ra rồi co lại dựa vào lưng lóng thứ nhất của ngón giữa. Hai ngón cái cũng co lại và dựa vào lóng dưới của 2 ngón trở, đọc Chân Ngôn là :

**OM TATHÀGATODBHAVÀYA SVÀHÀ**

### **3 ) Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia :**

Chắp hai tay lại giữa rỗng, mở các ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh rồi co lại giống như hình hoa sen, đọc Chân Ngôn là :

**OM PADMODBHAVÀYA SVÀHÀ**

### **4 ) Kim Cương Bộ Tam Muội Gia :**

Hai tay dựa lưng vào nhau, xoay lòng bàn tay trái ra ngoài, móc những ngón út và ngón cái lại với nhau, đọc Chân Ngôn là :

**OM VAJRODBHAVÀYA SVÀHÀ**

### **5 ) Bị Giáp hộ thân :**

Hai bàn tay đan chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa, cong 2 ngón trở lại thành hình móc câu để hờ trên lưng 2 ngón giữa sao cho đừng dính, 2 ngón cái đè trên 2 ngón út, đọc Chân Ngôn là :

**OM VAJRA AGNI PRADIPTÀYA SVÀHÀ**

### **6 ) Địa Giới Kim Cương Quyết :**

Đặt ngón giữa và ngón vô danh của tay phải vào giữa những ngón trở và ngón giữa và những ngón vô danh và ngón út . Ngón giữa và ngón vô danh của tay trái cũng đặt vào khoảng giữa của những ngón trở, ngón giữa và những ngón vô danh, ngón út của bàn tay phải qua lưng của 2 ngón kia, các ngón còn lại châu đầu vào nhau, riêng 2 đầu ngón cái thì chỉ xuống đất và đọc Chân Ngôn :

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHRU BANDHA HUM PHAT

7) Kim Cương Tường :

Ấn Kim Cương Tường giống như Ấn Địa Giới Kim Cương Quyết, chỉ khác là 2 ngón cái mở ra hai bên, đọc Chân Ngôn là :

OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HUM PHAT

8) Hư Không Tạng Phổ cúng dường :

Chấp 2 tay lại, 2 ngón giữa đan chéo nhau ngoài bàn tay, 2 ngón trỏ dựa nhau co lại, đọc Chân Ngôn là :

OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

9) Như Lai Quyền :

Bốn ngón tay trái nắm quyền, ngón trỏ dựng thẳng. Bàn tay phải nắm Kim Cương Quyền đè lên móng của ngón trỏ trái, đọc Chân Ngôn là :

OM BHUH KHAM

10) Bảo Xa Lạc ( cũng gọi là Tống Xa Lạc ) :

Hai tay đan chéo nhau để ngửa ra, 2 ngón trỏ chầu mé nhau, 2 ngón cái nắm lên đường chỉ thứ nhất của 2 ngón trỏ, đọc Chân Ngôn là :

OM TURU TURU HUM

11) Tỉnh Xa Lạc :

Dựa theo Ấn trước đưa ngón cái vào thân, bật đầu ngón giữa tụng Chân Ngôn là:

NAMAḤ TRIYA DHVIKÀNÀM TATHÀGATÀNÀM\_ OM VAJRA AGNIM  
AKARŚÀYA SVÀHÀ

12) Nghinh thỉnh Thánh Chúng :

Hai tay đan chéo nhau rồi nắm thành quyền, co ngón cái trái vào trong lòng bàn tay, co ngón cái phải như hình móc câu, đọc Chân Ngôn là :

OM AROLIK EHYEHI SVÀHÀ

13) Tịch Trừ Kiết Giới (Mã Đầu Quán Âm Ấn):

Chấp 2 tay lại, co ngón trỏ và ngón út vào trong lòng bàn tay sao cho dựa lưng nhau, cong 2 ngón cái lại chút ít sao cho dùng dính 2 ngón trỏ, đọc Chân Ngôn là:

OM AMRTODBHAVA HUM PHAT

14) Kim Cương Võng :

Giống như Địa Giới Kim Cương Quyết Ấn , chỉ khác là dùng 2 ngón cái nắm lên vằn gốc của ngón trỏ , đọc Chân Ngôn là :

OM VISPHORA DRAKṢA VAJRA PAṂJARA HŪM PHAT

15 ) Hỏa Viện Giới :

Up bàn tay trái lên lưng bàn tay phải sao cho dính nhau, dựng thẳng 2 ngón cái, đọc Chân Ngôn là :

OM ASAMA AGNI HŪM PHAT

16 ) Hiến Ứ Già :

Hai tay bưng bình nước Ứ Già đưa lên ngang trán, đọc Chân Ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM GAGANA ASAMA SAMA SVĀHĀ

17 ) Hoa Tòa :

Giống như Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia, chỉ khác là cong các ngón lại khiến cho nó tròn đầy, đọc Chân Ngôn là :

OM KAMALA SVĀHĀ

18 ) Quảng Đại bất không Ma Ni cúng dường :

Chấp hai tay lại, cài chéo 10 đầu ngón với nhau ( Kim Cương hợp chưởng ) co 2 ngón trở lại, dựng thẳng 2 ngón cái, đọc Chân Ngôn là :

OM AMOGHA PŪJA MAṆI PADMA VAJRE TATHĀGATA AVILOKITE  
SAMANTA PRASARA HŪM

r TÁN PHẬT:

A Di Đà Phật

Thân màu vàng ròng

Ánh sáng tướng tốt

Không gì sánh bằng

Bạch Hào uốn xoay

Lớn như năm núi

Mắt biếc lặn trong

Rộng như bốn biển

Trong hào quang hiện

Vô số Hóa Phật

Với Hóa Bồ Tát

Vô lượng vô biên

Bốn mươi tám nguyện

Tiếp độ chúng sinh

Chín phẩm hoa sen

Đưa lên bờ Giác

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT

Nay con một lòng  
Quy mệnh Bản Tôn  
A Di Đà Phật  
Quốc Độ Cực Lạc  
Xin Phật vận dụng  
Ánh sáng thanh tịnh  
Gia trì cho con  
Xin Phật nương theo  
Thệ nguyện Từ Bi  
Nhiếp thọ cho con

V Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản Ấn :

10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, rồi nắm thành quyền. Dựng đứng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau thành hình cánh sen, đọc. Chân Ngôn là :

V Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản Đà La Ni :

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AMITABHÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHÀYA

TADYATHÀ : OM \_ AMṚTE \_ AMṚTODBHAVE \_ AMṚTA SAMBHAVE \_

AMṚTA GARBHE \_ AMṚTA SIDDHE \_ AMṚTA TEJE \_ AMṚTA VIKRÀNTE \_

AMṚTA VIKRÀNTA GAMINE \_ AMṚTA GAGANA KÌRTIKARE \_ AMṚTA

DUNḌUBHI SVARE \_ SARVÀRTHA SADHÀNE \_ SARVA KARMA KLE'SA

KṢAYAMKARE SVÀHÀ

Sau đó hành giả lần chuỗi, mỗi lần dứt chữ SVÀHÀ thì lần một hạt, không kể nhiều ít. Cần phải trì niệm thông thả, đọc chân ngôn không phát thành tiếng, vừa lần hạt vừa quán tưởng Phật A Di Đà . Một thời gian sau nhờ sức gia trì của Bản Tôn, hành giả dù mở mắt hay nhắm mắt đều thấy rõ Đức Phật A Di Đà đang thuyết Pháp và mình dự nghe. Tiếp theo hành giả kết Định Ấn, quán Tâm Bồ Đề trong tự thân trong sáng tròn đầy như vầng trăng. Hành giả nghĩ rằng : " Thể của Tâm Bồ Đề xa lià tất cả vật. Không có Uẩn, Giới, Xứ. Xa lià Năng Thủ và Sở Thủ. Pháp Vô Ngã cho nên bình đẳng đồng nhất tướng. Tâm vốn không sinh, tự tính là Không "

Tiếp trên vầng trăng sáng ấy, hành giả quán chữ HRÌḤ ( ) Từ chữ này xuất hiện vô lượng ánh sáng và trong mỗi đạo ánh sáng , quán thành Thế Giới Cực Lạc với Thánh chúng vây quanh Đức Phật A Di Đà.

Tiếp theo hành giả kết A Di Đà căn bản Ấn và đọc A Di Đà căn bản Đà La Ni 7 biến rồi xả Ấn trên đỉnh đầu và đọc bài Kệ tán thán

Tiếp kết Ấn Phổ Lễ Cúng Dường đọc Quảng Đại Bất Không Ma Ni Cúng Dường Đà La Ni Tiếp dâng nước Ứ Già và khải bạch ước nguyện của mình, mong được thành mãn. Phát nguyện xong, kết Ấn Hỏa Viện, sau đó giải Ấn đã kết Lần lượt kết Ấn Bảo Xa Lạc để tiến

đưa Thánh Chúng Tiếp kết 3 Ấn của 3 Bộ trong Thai Tạng Man Trà La, rồi kết Ấn lên 5 nơi trên thân thể (Vàng trán, Vai trái, vai phải, trái tim, cổ họng ) Cuối cùng đỉnh lễ Bản Tôn rồi tùy ý bước ra khỏi Đạo Trường

27/10/1997  
HUYỀN THANH  
Kính Ghi